

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2023/HNGĐ - ST
Ngày 15 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

Ông **Lê Thanh Phong**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn H** – sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị R** – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị R sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn

ngày 30/9/2004. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân hơn 06 năm nay. Hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không còn tình cảm với nhau nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị R.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Lê Thị Tịnh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013, hiện nay do chị R đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao cháu N cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Anh Lê Văn H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn chị Trần Thị R nhiều lần Tòa án triệu tập anh đến Tòa án làm việc nhưng chị R không đến nên Tòa án có xuống trực tiếp nhà chị R để ghi nhận ý kiến nhưng chị R không có nhà do vậy không có lời khai của chị R trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị R. Về con chung, do chị R dắt cháu Lê Thị Tịnh N theo chị đi làm ăn, không có mặt tại nhà nên không ghi nhận được nguyện vọng của cháu N là sống cùng với anh H hay chị R, vì vậy cần giao cháu Lê Thị Tịnh N cho chị R tiếp tục nuôi dạy. Về cấp dưỡng nuôi con, chị R không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lê Văn H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Trần Thị R. Khi khởi kiện chị R cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị R theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh H và chị R tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh H xác định, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân hơn 06 năm nay. Hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên anh yêu cầu được ly hôn với chị R. Chị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Tòa án có đến trực tiếp nhà chị R để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh H nhưng chị R không có mặt tại nhà nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị R. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa anh H và chị R mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh H yêu cầu được ly hôn với chị R là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị R có một người con chung tên Lê Thị Tịnh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013, hiện nay do chị R đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao cháu N cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị R không có ý kiến gì về yêu cầu của anh H và hiện tại cháu N đang được chị R nuôi dưỡng. Mặt khác, Tòa án có trực tiếp đến nhà chị R để ghi nhận nguyện vọng của cháu N là sống cùng anh H hay chị R nhưng chị R đã dắt cháu N đi làm ăn, không có mặt tại nhà nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu N. Hơn nữa, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở,

học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu giao con chung là cháu N cho chị R của anh H là chính đáng và phù hợp nên được chấp nhận. Giao cháu Lê Thị Tịnh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013 cho chị R tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị R không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Lê Văn H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Anh Lê Văn H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn H đối với chị Trần Thị R. Xử cho anh Lê Văn H được ly hôn với chị Trần Thị R.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Tịnh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013 cho chị Trần Thị R tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Lê Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Văn H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Anh Lê Văn H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009158 ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Anh Lê Văn H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thâm